TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16-10-2018
V/v: Ly hôn giữa anh T và chị D

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Chung;

2. Ông Nguyễn Hữu Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên toà: Ông Thân Mạnh Thắng, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 351/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn"

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2018/QĐXX-ST ngày 24 tháng 9 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Anh Vắn Hóa T, sinh năm 1983 "có mặt"

Nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Chị Lưu Thị D, sinh năm 1985 "vắng mặt"

Nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI D VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Vắn Hóa T trình bày: Anh và chị Lưu Thị D đăng ký kết hôn năm 2004 tại UBND xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện. Sau khi cưới chị D về gia đình anh làm dâu ngay, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 5 năm, đến năm 2009 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị D đi làm xa, không quan tâm chăm sóc con và gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Hai bên gia đình cũng đã hòa giải nhưng không thành. Anh và chị D đã sống ly thân từ năm 2009 đến nay, không còn quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng

không còn, không thể đoàn tụ được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị D.

Về nuôi con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Vắn Văn Khuyến, sinh năm 2005. Hiện nay cháu đang ở với anh, cháu khỏe mạnh phát triển bình thường. Anh đã được Tòa án giải thích về quyền đề nghị giải quyết về nuôi con chung nhưng anh không muốn làm ảnh hưởng đến tâm lý của con nên không đề nghị giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Lưu Thị D trình bày: Về thời gian đăng ký kết hôn, quá trình chung sống như anh T trình bày là đúng. Nguyên nhân vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không hiểu và thông cảm cho nhau. Nay anh T xin ly hôn chị nhất trí ly hôn.

Về con chung, tài sản, công nợ chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, anh T, chị D chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chị D có đơn xin xét xử vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, các Điều 147, 227, 228, 271, 272 và 273 BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận cho ly hôn giữa Anh Vắn Hóa T và chị Lưu Thị D.

Về nuôi con chung, tài sản và công nợ: Cac đương sự không đề nghị giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Chị D có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của BLTTDS xét xử vắng mặt chị D.

[2] *Về nội D*: Anh Vắn Hóa T và chị Lưu Thị D đăng ký kết hôn năm 2004 tại UBND xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện nên hôn nhân giữa anh T và chị D là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng anh T, chị D hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 5 năm, đến năm 2009 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hiểu và thông cảm cho nhau, vợ chồng đã sống ly thân, cắt đứt quan hệ tình cảm và kinh tế. Nay anh T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Chị D cũng nhất trí ly hôn. Điều đó chứng tỏ cuộc sống vợ chồng giữa anh T và chị D đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài,

mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho anh T được ly hôn chị D.

[3] *Về nuôi con chung:* Quá trình chung sống vợ chồng anh T, chị D có 01 con chung là Vắn Văn Khuyến, sinh năm 2005. Hiện nay cháu Khuyến đang ở với anh T, cháu khỏe mạnh phát triển bình thường. Anh T và chị D đã được Tòa án giải thích về yêu cầu giải quyết về nuôi con chung nhưng cả anh T và chị D đều không muốn làm ảnh hưởng đến tâm lý của các con nên không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] *Về tài sản và công nợ chung:* Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 227, 228, khoản 4 Điều 147, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Vắn Hóa T và chị Lưu Thị D

2. Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0003366 ngày 03/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã N, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Thị Thu Thủy

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi … giờ… phút, ngày 16 tháng 10 năm 2018.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Thái và ông Nguyễn Xuân Chung.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 351/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung", giữa:

Nguyên đơn: Anh Vắn Hóa T, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Chị Lưu Thị D, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 227, 228, khoản 4 Điều 147, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Vắn Hóa T và chị Lưu Thị D

2. Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0003366 ngày 03/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi … giờ … phút, ngày 16 tháng 10 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Thái Nguyễn Xuân Chung **Tạ Thị Thu Thủy**